TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 6 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thúy K. Cư trú tại: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Dương Việt T. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thúy K thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị K và anh Dương Việt T tổ chức đám cưới vào ngày 25/11/2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn, do công việc nên không chung sống gần nhau, anh T đi làm ở Cà Mau, cuối mỗi tuần về thì xảy ra cự cãi, gần đây chị phát hiện anh T không chung thủy, khi bắt gặp anh T tại nhà người phụ nữ khác hai lần thì anh T đã chủ động viết đơn ly hôn đưa cho chị ký nhưng chị không đồng ý nên đã viết đơn gửi đến cơ quan nơi anh T công tác. Sau đó cơ quan mời làm việc, anh T hứa khắc phục, sửa đổi nên chị đã rút đơn nhưng anh T vẫn qua lại với người phụ nữ trước đây. Sau sự việc xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng không thành và ly thân cách nay khoảng 03 tháng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T và không thể quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người tên Dương Bảo N1 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Bảo N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: Khi về chung sống, chị và anh T có mua được 02 phần đất và đã được cấp Giấy chứng nhận do chị và anh T cùng đứng tên gồm: Phần đất 106 m^2 tại phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau số Giấy chứng nhận CE 827449 cấp ngày 25/11/2016 và phần đất 360 m^2 tại phường 9, thành phố Cà Mau số Giấy chứng nhận BU416206 cấp ngày 19/5/2014. Khi làm đơn khởi kiện chị yêu cầu phân chia hai phần đất này, quá trình giải quyết vụ án chị và anh T đã thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận trước khi tiến hành hòa giải đó là: Giao phần đất 106 m^2 cho chị hưởng và giao phần đất 360 m^2 cho anh T hưởng; chị rút lại yêu cầu về phân chia tài sản.

Về nợ: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết của anh Dương Việt T thể hiện:*

Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc thỏa thuận việc nuôi con, tài sản chung sau khi ly hôn như lời trình bày của chị K.

Việc chị K xác định anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng mà chỉ là bạn bè, chị K có gửi đơn đến cơ quan của anh, qua xác minh đã xác định người phụ nữ đó chỉ có mối quan hệ bạn bè. Tuy nhiên, khi chung sống, chị K đi chơi thì không báo với anh, khi anh liên hệ điện thoại thì chị K chặn cuộc gọi nên xảy ra ghen tuông, cự cãi. Anh thừa nhận có viết đơn ly hôn nhưng chưa ký và đưa cho chị K mục đích để chị K sửa đổi chứ không muốn ly hôn. Nay anh xác định vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụu trở lại. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất giao Bảo N1 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung anh thống nhất tự thỏa thuận phân chia như trình bày của chị K và đồng ý việc chị K rút yêu cầu phân chia tài sản trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thúy K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Dương Việt T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy K và anh Dương Việt T tổ chức đám cưới vào ngày 25/11/2012, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Do công việc nên sau khi kết hôn chị K và anh T không chung sống gần nhau, cuối tuần về thì xảy ra cự cãi, anh T có quan hệ với người bạn gái khác (theo anh T chỉ là bạn bè bình thường) nên đã chủ động viết đơn ly hôn đưa cho chị K. Chị K viết đơn gửi đến cơ quan nơi anh T công tác, khi được mời làm việc, anh T hứa khắc phục, sửa đổi nên chị K đã rút đơn nhưng anh T không thực hiện. Sau sự việc này, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành nên anh, chị đã sống ly thân cách nay 03 tháng. Từ nguyên nhân trên, chị K xác định không còn tình cảm, không thể quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn; anh T không đồng ý mà xin đoàn tụ trở lại do vẫn còn tình cảm với chị K.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng, lúc chung sống do anh T có quan hệ bạn bè với người phụ nữ khác nên đã chủ động viết đơn ly hôn đưa cho chị K; được cơ quan nơi anh T công tác và gia đình hòa giải; anh T có cam kết sửa chữa và có nguyện vọng hàn gắn nhưng anh T không đưa ra được giải pháp để quay lại đoàn tụ chung sống trở lại, trong khi chị K vẫn cương quyết ly hôn; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn với anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 người tên Dương Bảo N1 do chị K đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị K và anh T thỏa thuận giao Bảo N1 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Xét việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản: Chị K, anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải như sau: Giao cho chị K hưởng phần đất 106 m^2 tại phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận số CE 827449 cấp ngày 25/11/2016, giao cho anh T hưởng phần đất 360 m^2 tại phường 9, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận số BU416206 cấp ngày 19/5/2014 và chị K rút lại yêu cầu phân chia tài sản. Việc các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu ghi nhận trong bản án cũng như việc chị K

rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với khoản 1 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Trường hợp có phát sinh việc tranh chấp về phân chia tài sản sau khi ly hôn sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, các đương sự không phải chịu án phí về phân chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 59; các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy K. Cho chị K được ly hôn với anh Dương Việt T.

2. Về con chung: Giao Dương Bảo N1 cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị K về phân chia tài sản chung.

+ Ghi nhận việc phân chia tài sản chung giữa các đương sự: Chị K hưởng phần đất 106 m^2 tại phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận số CE 827449 ngày 25/11/2016 và anh T hưởng phần đất 360 m^2 tại phường 9, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận số BU416206 ngày 19/5/2014.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị K phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009831 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị K đã nộp đủ án phí này).

+ Án phí phân chia tài sản các đương sự không phải chịu, hoàn trả lại cho chị K số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009832 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn